MIRAE ASSET Securities

07 Tháng Mười Hai 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Thang đo sức mạnh thị trường

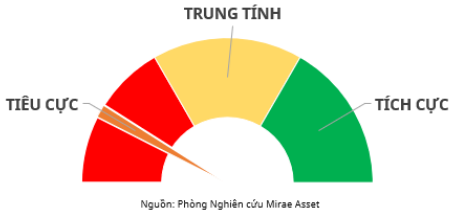

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,446.77	2.35	-0.67	40.47
HNX	446.41	2.42	4.39	189.50
UPCOM	110.85	1.52	2.45	61.35
MSCI EM	1,213.96	-0.87	-3.96	-3.15
NIKKEI	28,455.60	1.89	-3.90	7.19
HANG SENG	23,983.66	2.72	-3.57	-9.52
KOSPI	2,991.72	0.62	0.76	8.97
FTSE	7,310.41	1.08	0.09	11.52
S&P 500	4,591.67	1.17	-2.25	24.37
NASDAQ	15,225.15	0.93	-4.67	21.61

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.12	2.71	15.83
SET INDEX	19.31	1.74	7.82
JCI INDEX	25.49	2.20	7.66
PCOMP INDEX	23.53	1.75	7.69

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.80	1	-2	-37
10 năm	2.09	-1	-3	-29

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,093	-0.13	-1.88	0.15
US$/KRW	1,180	0.25	0.30	-8.29
US$/JPY	114	-0.18	-0.40	-8.48
US$/EUR	0.89	0.07	2.75	7.37
US$/GBP	0.75	-0.04	2.24	0.84
US$/SGD	1.37	0.16	-1.38	-2.19

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,304	1,329	830
HNX	153	175	120
UPCOM	90	119	62

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

Nhận định thị trường

Sắc xanh lan tỏa

Sau 2 phiên giảm sâu liên tục, lực cầu bắt đáy xuất hiện sớm ngay từ đầu phiên giúp cho thị trường tăng 13 điểm ngay lúc mở cửa. Thêm vào đó, thông tin từ phục hồi của thị trường Mỹ và các nước Châu Á càng củng cố cho phiên phục hồi hôm nay, đà tăng liên tục được củng cố vào cuối phiên. Vì thế, phiên hôm nay kết thúc với sắc xanh ngập tràn toàn thị trường. VN-Index đóng cửa tại 1.446 điểm, tăng thêm 33,2 điểm tương ứng 2,3% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 21.688 tỷ đồng, HNX: 3.336 tỷ đồng, UPCOM: 2.836 tỷ đồng.

Một phiên tăng điểm mạnh của VN-Index với sự tham gia của toàn bộ nhóm ngành. Trên khắp 3 sàn có đến 778 mã tăng giá trong khi đó chỉ có 260 mã giảm giá, thậm chí toàn bộ 30 mã VN30 đều tăng điểm.

Tiếp tục trong phiên hôm nay, khối ngoại lại quay đầu mua ròng với giá trị 300 tỷ đồng, trong đó VHM được mua ròng nhiều nhất với giá trị là 138. Đây là phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp của khối ngoại.

Phiên tăng mạnh nhưng thanh khoản lại suy giảm khiến cho điểm kỹ thuật phục hồi nhẹ . Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -6, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,1x.

Trần Duy Lam, Analyst,84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	**-6**	**TIÊU CỰC**
VN30	**-6**	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	**-6**	**TIÊU CỰC**
VN DIAMOND	**-5**	**TIÊU CỰC**
VN FIN SELECT	**-5**	**TIÊU CỰC**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/12/2021)	1.446	Kháng cự 1	**1.500**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	**1.580**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1	**1.460**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.400**

Sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật vào hôm qua, VN-Index đã có phiên đảo chiều phục hồi tốt. Trong ngắn hạn VN-Index có xu hướng tịnh tiến dần về đỉnh cũ.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: Fdata

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (07/12/2021)	1.512	Kháng cự 1	**1.580**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**1.630**
VN30 – đóng cửa	1.480,9	Hỗ trợ 1	**1.500**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	-0,7	Hỗ trợ 2	**1.480**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	**+4**	**KHẢ QUAN**
VN30F1M (chart 60 phút)	**+1**	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M (chart ngày)	**-6**	**TIÊU CỰC**

VN30F1M phục hồi rất tốt về điểm số, vì thế các chỉ số intra-day chuyển sang TRUNG TÍNH và KHẢ QUAN, tuy nhiên điểm kỹ thuật theo ngày vẫn nằm ở mức TIÊU CỰC.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PDR	Bất động sản	97,800	4,461,155	**99**	7	Top Sức mạnh giá
HDG	Bất động sản	76,300	1,338,670	**98**	7	Top Sức mạnh giá
POW	Điện	14,850	21,851,156	**95**	7	Top Sức mạnh giá
FCN	Xây dựng	22,950	7,437,890	**82**	4	Top Sức mạnh giá

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV	GTGD
PDR	97.8	4,461,155	**7**	KHẢ QUAN	48,193	30.2	7.7	436
POW	14.85	21,851,156	**7**	KHẢ QUAN	34,777	12.0	1.2	324
ROS	8.49	27,019,804	**7**	KHẢ QUAN	4,819	26.3	0.8	229
HDG	76.3	1,338,670	**7**	KHẢ QUAN	12,485	15.8	3.3	102
ITA	14.3	25,611,570	**5**	KHẢ QUAN	13,418	81.3	1.2	366
HAG	9.23	31,240,664	**5**	KHẢ QUAN	8,560	#N/A N/A	1.7	288
VIC	106.7	3,443,950	**4**	KHẢ QUAN	406,016	85.5	4.0	367
FCN	22.95	7,437,890	**4**	KHẢ QUAN	2,879	24.5	1.3	171
NVL	112.6	3,339,810	**2**	TRUNG TÍNH	165,928	47.4	4.8	376
HHV	25.1	12,306,750	**2**	TRUNG TÍNH	6,711	43.0	1.1	309
LCG	21.6	6,606,385	**2**	TRUNG TÍNH	3,724	10.7	1.7	143
BCG	23.8	5,236,200	**2**	TRUNG TÍNH	7,081	8.3	2.5	125
VGC	51.9	2,037,225	**2**	TRUNG TÍNH	23,269	24.5	3.5	106
SZC	57.7	1,384,160	**2**	TRUNG TÍNH	5,770	22.5	4.1	80
HPG	47.6	29,433,520	**0**	TRUNG TÍNH	212,911	6.7	2.5	1,401
DXG	31.2	14,518,350	**0**	TRUNG TÍNH	18,596	24.0	2.2	453
BSR	21.7	12,920,300	**0**	TRUNG TÍNH	67,281	#N/A N/A	2.2	280
TPB	47.8	4,035,975	**0**	TRUNG TÍNH	56,006	10.8	2.3	193
HQC	6.66	25,456,490	**0**	TRUNG TÍNH	3,174	753.7	0.7	170
GAS	96.5	1,293,430	**0**	TRUNG TÍNH	184,696	22.5	3.8	125
VJC	123	870,425	**0**	TRUNG TÍNH	66,618	441.5	3.9	107
FRT	62.1	1,366,145	**0**	TRUNG TÍNH	4,905	42.9	3.7	85
KBC	50.9	10,574,685	**-2**	TRUNG TÍNH	29,001	29.8	1.9	538
CEO	41.9	7,493,550	**-2**	TRUNG TÍNH	10,783	#N/A N/A	3.9	314
SCR	19.25	13,488,665	**-2**	TRUNG TÍNH	7,052	25.0	1.5	260
VRE	29.95	8,568,670	**-2**	TRUNG TÍNH	68,056	31.4	2.2	257
IDC	82.5	2,932,785	**-2**	TRUNG TÍNH	24,750	45.5	6.1	242
DBC	75.2	2,814,165	**-2**	TRUNG TÍNH	8,666	8.8	1.8	212
VGT	25.4	5,325,595	**-2**	TRUNG TÍNH	12,700	44.6	2.1	135
HT1	25.85	3,953,845	**-2**	TRUNG TÍNH	9,863	21.3	1.8	102

HNG	8.77	10,487,645	-2	TRUNG TÍNH	9,722	172.6	1.5	92
PVD	28.3	7,784,205	-3	TRUNG TÍNH	11,918	308.9	0.9	220
TSC	14.8	6,524,085	-3	TRUNG TÍNH	2,185	19.4	1.3	97
SSI	52.2	26,057,364	-4	TIÊU CỰC	51,279	24.0	3.8	1,360
GEX	38.35	18,304,250	-4	TIÊU CỰC	32,655	24.2	2.8	702
VPB	35.65	17,926,996	-4	TIÊU CỰC	158,481	12.8	2.5	639
VND	74.7	8,115,990	-4	TIÊU CỰC	32,490	14.7	3.8	606
FLC	14.7	28,254,450	-4	TIÊU CỰC	10,437	6.8	1.1	415
VIX	31.4	10,498,225	-4	TIÊU CỰC	8,622	9.5	2.9	330
NLG	54.7	5,751,985	-4	TIÊU CỰC	20,877	12.6	2.4	315
HSG	36.1	8,671,690	-4	TIÊU CỰC	17,815	4.1	1.6	313
NKG	38.9	7,472,505	-4	TIÊU CỰC	8,496	4.1	1.6	291
DCM	36.2	7,803,660	-4	TIÊU CỰC	19,164	21.3	2.9	282
DGC	164.2	1,704,000	-4	TIÊU CỰC	28,091	22.6	5.7	280
HBC	24.7	11,002,765	-4	TIÊU CỰC	5,988	59.0	1.6	272
HDB	30	8,274,940	-4	TIÊU CỰC	59,766	10.7	2.2	248
PVS	25.9	9,562,135	-4	TIÊU CỰC	12,379	21.8	1.0	248
VNM	86.5	2,801,020	-4	TIÊU CỰC	180,781	19.2	5.8	242
VCG	45.05	4,732,575	-4	TIÊU CỰC	19,760	34.7	3.0	213
ACB	32.95	5,947,020	-4	TIÊU CỰC	89,029	9.2	2.1	196
MSN	151.9	1,238,875	-4	TIÊU CỰC	179,323	74.8	8.3	188
PLX	53.5	2,968,505	-4	TIÊU CỰC	67,977	20.2	2.8	159
ORS	27.05	5,639,330	-4	TIÊU CỰC	5,410	#N/A N/A	2.5	153
GVR	36.6	3,953,355	-4	TIÊU CỰC	146,400	29.4	3.0	145
KDC	56.2	2,377,915	-4	TIÊU CỰC	14,141	27.6	2.4	134
VIB	40.95	3,244,940	-4	TIÊU CỰC	63,601	11.4	2.9	133
TTF	11.05	10,843,765	-4	TIÊU CỰC	3,439	#N/A N/A	#N/A N/A	120
TVC	21	4,763,890	-4	TIÊU CỰC	2,176	3.9	1.5	100
ART	14.1	7,045,025	-4	TIÊU CỰC	1,367	144.7	1.2	99
AGR	24.5	4,016,395	-4	TIÊU CỰC	5,194	15.5	2.2	98
HHS	11.1	7,362,360	-4	TIÊU CỰC	3,050	17.1	0.8	82
BVH	58.4	1,375,185	-4	TIÊU CỰC	43,352	23.6	2.0	80
IDI	16.55	5,980,245	-5	TIÊU CỰC	3,768	45.6	1.3	99
TCB	50	18,973,350	-6	TIÊU CỰC	175,546	10.1	2.0	949
STB	28.05	23,790,776	-6	TIÊU CỰC	52,880	15.0	1.6	667
VHM	81.6	6,821,530	-6	TIÊU CỰC	355,316	9.8	4.0	557
SHS	47.5	10,686,235	-6	TIÊU CỰC	15,450	11.6	3.3	508
DIG	68	7,107,190	-6	TIÊU CỰC	33,993	38.7	5.7	483
MBB	28.15	14,990,885	-6	TIÊU CỰC	106,360	9.6	1.9	422
CTG	32.7	12,675,235	-6	TIÊU CỰC	157,148	9.5	1.7	414
VCI	72.8	5,068,300	-6	TIÊU CỰC	24,242	17.5	3.8	369
SHB	22.45	14,517,735	-6	TIÊU CỰC	59,871	12.2	1.9	326
PAN	37.6	8,478,975	-6	TIÊU CỰC	7,854	37.0	2.1	319
LPB	20.95	14,036,795	-6	TIÊU CỰC	25,215	9.2	1.6	294
TCH	21.15	13,723,455	-6	TIÊU CỰC	13,086	16.2	1.4	290
HCM	43.95	6,440,815	-6	TIÊU CỰC	20,110	16.6	3.4	283
DPM	47.3	5,777,295	-6	TIÊU CỰC	18,510	11.8	2.1	273
CII	26	9,192,870	-6	TIÊU CỰC	6,213	2,195.7	1.3	239

FPT	96	2,120,275	**-6**	**TIÊU CỰC**	87,117	21.6	5.1	204
MWG	133.5	1,523,675	**-6**	**TIÊU CỰC**	95,163	21.8	5.1	203
LDG	13.4	14,711,150	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,209	105.5	1.0	197
IJC	30	6,331,175	**-6**	**TIÊU CỰC**	6,513	8.8	2.0	190
SBT	23.45	7,061,710	**-6**	**TIÊU CỰC**	14,754	22.0	1.8	166
GMD	48	3,198,750	**-6**	**TIÊU CỰC**	14,466	33.3	2.4	154
SBS	17.7	8,614,615	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,242	1,951.5	10.8	152
APS	41.5	3,395,680	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,237	9.7	3.5	141
FIT	13.9	9,505,630	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,652	24.1	1.1	132
AAA	16.55	7,512,925	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,402	15.7	1.1	124
ASM	19.75	5,860,125	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,113	8.9	1.0	116
BID	43.6	2,628,925	**-6**	**TIÊU CỰC**	175,360	17.8	2.1	115
HAH	67.8	1,566,670	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,307	11.7	2.6	106
DGW	129.2	794,900	**-6**	**TIÊU CỰC**	11,421	26.1	7.8	103
NDN	20.7	4,561,335	**-6**	**TIÊU CỰC**	1,483	5.1	1.4	94
MBS	38	2,475,380	**-6**	**TIÊU CỰC**	10,169	17.1	3.1	94
KDH	45.3	2,042,500	**-6**	**TIÊU CỰC**	29,125	24.4	3.0	93
DPG	81.9	1,114,700	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,160	13.7	4.1	91
PVT	23	3,858,225	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,444	9.4	1.5	89
VCB	98.2	896,265	**-6**	**TIÊU CỰC**	364,212	17.2	3.3	88
CTS	38.5	2,215,550	**-6**	**TIÊU CỰC**	4,096	13.7	2.5	85

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed đang thay đổi lớn về lập trường, có thể sớm kết thúc nới lỏng

Đang có một sự thay đổi lớn trong Fed liên quan tới việc loại bỏ các chính sách nới lỏng "khổng lồ" trong đại dịch Covid-19 của cơ quan này. Điều này có thể dẫn tới việc lãi suất sẽ được tăng sớm hơn đồn đoán của thị trường.Bình luận của các quan chức Fed cho thấy ngân hàng trung ương có thể quyết định tăng gấp hai tốc độ thu hẹp chương trình mua tài sản lên 30 tỷ USD mỗi tháng trong phiên họp chính sách tháng 12 vào tuần tới. Các phiên thảo luận ban đầu về thời điểm cũng như mức tăng lãi suất cho năm tới có thể bắt đầu ngay trong lần họp này. Trong đó, các quan chức Fed được cho là sẽ đệ trình một loạt dự báo mới về kinh tế cũng như lãi suất liên bang. Hiện vẫn chưa có sự đồng nhất về thời điểm bắt đầu tăng lãi suất, song rõ ràng, việc đẩy nhanh tốc độ thu hẹp chương trình mua tài sản là nhằm giúp Fed linh hoạt hơn trong kế hoạch tăng lãi suất ngay mùa xuân 2022. Thị trường dường như lại không kỳ vọng có đợt tăng đầu tiên trước mùa hè năm tới.Chủ tịch Fed St. Louis James Bullard cuối tuần trước cho biết ông muốn chương trình mua tài sản kết thúc trong quý I năm tới, như vậy Fed có thể sớm tự định vị và thảo luận về việc tăng lãi suất trong mọi cuộc họp. Một số quan chức khác cũng đã cởi mở hơn khi nói về khả năng tăng lãi suất nhiều lần trong năm tới cũng như sự cần thiết của việc đó để chống lại lạm phát. Chủ tịch Fed Jerome Powell trong phiên điều trần trước quốc hội vào tuần trước cũng ủng hộ ý kiến đẩy nhanh tốc độ thu hẹp chương trình mua tài sản, đồng thời thay đổi đáng kể trong quan điểm về lạm phát. Khi đó, ông nói lo ngại lớn hiện nay cùng với biến chủng virus corona mới chính là lạm phát, vì nó có thể khiến mọi người tiếp tục thất nghiệp và làm trầm trọng hóa các vấn đề của chuỗi cung ứng.Đây là một sự thay đổi lớn trong lập trường của ông Powell cũng như Fed vì các làn sóng lây nhiễm Covid-19 trước phần lớn chỉ dấy lên lo ngại về nhu cầu yếu ớt, chứ không gây ra tình trạng nguồn cung hạn chế. Đó cũng là lý do cho tới khi việc thu hẹp chương trình mua tài sản được công bố vào tháng 11, các quan chức Fed hầu như kín miệng về triển vọng lãi suất.

Quy hoạch điện VIII: Không phát triển điện than sau 2030

Văn phòng Chính phủ vừa thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại hội nghị lấy ý kiến hoàn thiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021-2030, tầm nhìn 2045 (quy hoạch điện VIII) ngày 19/11.Theo đó, lãnh đạo Chính phủ giao Bộ Công thương nghiên cứu, tổ chức thực hiện quy hoạch điện VIII phải bám sát các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính để đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 như cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị COP26;Trên cơ sở đó, hoàn thiện phương án cơ cấu nguồn điện phù hợp các giai đoạn đến năm 2045.Đáng chú ý, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành chỉ đạo phải rà soát lại quy hoạch một số nguồn điện than sau năm 2030 theo hướng chuyển đổi nhiên liệu hoặc không tiếp tục phát triển (nếu dự án không có các ràng buộc có nguy cơ gây thiệt hại về kinh tế).Cân nhắc tăng thêm quy mô và nghiên cứu cơ chế chính sách phát triển điện gió ngoài khơi.Nghiên cứu các cơ chế, chính sách, giải pháp để sử dụng hiệu quả và hợp lý hơn đối với nguồn năng lượng mặt trời, trong đó có giải pháp công nghệ lưu trữ điện.Bộ Công thương cũng được yêu cầu xác định rõ tiêu chí các dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư các giai đoạn quy hoạch (quy mô, vị trí xây dựng, hạ tầng đấu nối,....) để đảm bảo công khai, minh bạch, khả thi.Bên cạnh đó, đề xuất các cơ chế quản lý thực hiện quy hoạch hiệu quả, khả thi nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu thực tiễn, tuyệt đối không để xảy ra thiếu điện.Lãnh đạo Chính phủ cũng yêu cầu cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý cụ thể tại Hội nghị để hoàn thiện Quy hoạch điện VIII; Đồng thời, sớm tổ chức hội nghị với các địa phương để có sự đồng thuận cao nhất, thống nhất về các tiêu chí tiêu chuẩn các dự án trong Quy hoạch... Trong bản dự thảo quy hoạch điện VIII được chỉnh sửa lần 3, với yêu cầu tiếp thu thông điệp của Việt Nam tại COP 26 đang được Bộ Công thương lấy ý kiến đã có những khác biệt so với bản cũ vào tháng 3/2021.Quan điểm tính toán lần này là xem lại việc phát triển nhiệt điện than; tính toán cân đối nguồn - tải theo vùng miền; hạn chế truyền tải đi xa; đảo đảm dự phòng từng miền, đặc biệt là ở miền Bắc.Đáng lưu ý, lần cập nhập này sẽ tính toán thêm việc phát triển điện gió (trên

bờ và ngoài khơi) và xem xét lại việc phát triển điện mặt trời, đưa ra khỏi tính toán cân đối bảo đảm an ninh năng lượng công suất nguồn điện này."Do số giờ vận hành hạn chế (tương đương 4 giờ một ngày), chưa có hệ thống lưu trữ năng lượng. Nếu không tính nguồn điện mặt trời, hệ số dự phòng toàn quốc giảm từ hơn 69% xuống còn 43%, bảo đảm an toàn hệ thống...", Bộ Công thương lý giải.Theo đó, tổng công suất nguồn điện đến năm 2030 hơn 155.700 MW, giảm hơn 24.000 MW so với phương án trình tháng 3; Đến năm 2045, tổng công suất đặt các nguồn điện toàn quốc là gần 333.590 MW, giảm gần 36.000 MW.Trong đó, rà soát cắt giảm được 7.800 MW nhiệt điện than (NĐT) khó khả thi. Và đến năm 2030, tăng thêm công suất điện gió ngoài khơi thêm 1.000 MW lên 4.000 MW so với kịch bản tháng 3, điện gió trên bờ tăng thêm 1.258 MW lên 17.338 MW.Khối lượng giảm nguồn điện này sẽ dẫn tới giảm chi phí đầu tư nguồn điện, chẳng hạn tổng công suất nguồn đến năm 2030 theo phương án tính toán mới giúp giảm gần 800.000 tỷ đồng vốn đầu tư.Quy hoạch điện VIII sửa lần thứ 3 này cũng tính toán cân đối nguồn - tải theo vùng miền, hạn chế truyền tải điện đi xa, hạn chế thấp nhất truyền tải điện liên vùng.

CTD: Bà Trịnh Quỳnh Giao bất ngờ rút khỏi HĐQT Coteccons

Bộ máy lãnh đạo tại Xây dựng Coteccons (HoSE: CTD) tiếp tục có biến động lớn. Cụ thể, HĐQT Công ty vừa cho biết đã nhận được đơn từ nhiệm của Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2022 là bà Trịnh Quỳnh Giao, hiệu lực từ ngày 6/12.Được biết, bà Giao hoạt động khá lâu tại Coteccons trong vai trò đại diện cho cổ đông ngoại The8th, nắm giữ 10,42% cổ phần. Trong căng thẳng cao trào giữa ban lãnh đạo cũ (Chủ tịch HĐQT lúc bấy giờ là ông Nguyễn Bá Dương) với nhóm cổ đông lớn (cụ thể là Kusto) vào giữa năm 2020, The8th cũng đã có động thái tố cáo ban lãnh đạo cũ, đứng về phía Kusto.Như vậy, sau khi hàng loạt nhân sự cấp cao cũ (có kinh nghiệm trong ngành xây dựng) rời khỏi Coteccons, diễn biến bất ngờ mới đây thêm hai thành viên khác cũng từ nhiệm. Trước đó ngày 30/11, ông Trần Trí Gia Nguyên rút khỏi chức vụ Phó Tổng Giám đốc sau một năm gia nhập Coteccons với hoài bão lớn.

VND: ĐHĐCĐ bất thường VNDirect: Có thể xin phát hành riêng lẻ trong thời gian tới

ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Chứng khoán VNDirect (HoSE: VND) diễn ra ngày 7/12 đã thông qua phương án chào bán khoảng 435 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng tỷ lệ 1:1 với giá chào bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cp; phương án phát hành gần 348 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là 80% và phát hành cổ phiếu ESOP. Tại đại hội, bà Phạm Minh Hương, Chủ tịch HĐQT, cho biết quy mô vốn chủ sở hữu của VNDirect hiện tại là 9.300 tỷ đồng, tổng tài sản cũng đã chạm ngưỡng dùng để cho vay margin. Vì vậy nếu được tăng vốn kịp thời sẽ đón nhận chu kỳ tăng trưởng mới. Ba mảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ chứng khoán, kinh doanh thị trường vốn cung cấp giải pháp tài chính trung gian và mảng bảo lãnh phát hành. Số vốn của công ty rất lớn nhưng chưa đáp ứng được tiềm năng. Dự kiến vốn chủ sở hữu sau đợt tăng vốn đạt khoảng 13.000 tỷ đồng. Bà Hương tin rằng số vốn này sẽ được sử dụng nhanh và hiệu quả. Theo Chủ tịch VNDirect, ở đợt tăng vốn lần trước, số vốn đã được sử dụng hết chỉ sau 2 tháng và hiện đã chạm trần các tỷ lệ cho phép của UBCKNN.Về việc nới room ngoại lên 100%, bà Hương cho đây là cơ hội để công ty tiếp cận được với các định chế đầu tư nước ngoài lớn. Hiện nay công ty có khá nhiều nhà đầu tư, quỹ tiếp cận và xem xét tham gia nhưng lần này HĐQT chỉ xin phát hành cho cổ đông hiện hữu. Có thể trong thời gian tới ban lãnh đạo sẽ xin điều kiện phát hành cho cổ đông nước ngoài, định chế tài chính lớn.Chia sẻ về chiến lược kinh doanh năm 2022, công ty vẫn tập trung vào 3 năng lực lõi là công nghệ, đội ngũ và môi trường làm việc để có thể thu hút được nguồn lược. Do đây là ngành dịch vụ tài chính nên yếu tố con người là trọng yếu. VNDirect cũng tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm và giải pháp tài chính để phù hợp cho từng đối tượng khách hàng mục tiêu.Đánh giá về rủi ro thanh khoản hoạt động kinh doanh nguồn vốn và các giải pháp giảm thiểu rủi ro, ông Nguyễn Vũ Long, Quyền Tổng giám đốc, cho biết hoạt động kinh doanh nguồn vốn là cốt lõi của VNDirect xây

dựng trong nhiều năm. Cách thức công ty quản lý vốn được thực hiện theo nguyên tắc hai rủi ro lớn là thanh khoản và lãi suất. Công ty có hội đồng ALCO để quản lý toàn bộ các rủi ro liên quan đến thanh khoản của công ty và cả rủi ro về lãi suất. Định kỳ, công ty có kế hoạch liên quan đến phương án phân bổ tài sản thành những loại hình khác nhau như tiền gửi ngân hàng hay tiền gửi không kỳ hạn... Mỗi một loại tài sản đều có phân loại và đánh giá về mặt rủi ro thanh khoản, khả năng chuyển đổi sang tiền để có thể lượng hóa được rủi ro.

FMC: Doanh số Thực phẩm Sao Ta tháng 11 tăng trưởng 14%

Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex, HoSE: FMC) - thành viên Tập đoàn PAN (HoSE: PAN) thông báo trong tháng 11 đã chế biến được 2.360 tấn tôm đông lạnh thành phẩm, tăng 22% so cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm tiêu thụ 1.697 tấn, tăng 7% so cùng kỳ năm trước. Nông sản đạt mức tiêu thụ 106 tấn, bằng 68% so cùng kỳ. Theo đó, doanh số chung đạt 20,3 triệu USD (khoảng 467 tỷ đồng), tăng 14% so cùng kỳ năm trước.Doanh nghiệp cho biết tháng 11 là giai đoạn cuối vụ mùa tôm, hoạt động kinh doanh gặp thuận lợi nhờ có nguồn nguyên liệu khá tốt từ trại nuôi, đi lại dễ dàng nên khá đầy đủ người lao động có mặt khá đầy đủ. Tuy nhiên, dịch bệnh ngày càng phức tạp, khiến một số lao động không thể tham gia sản xuất do nhiễm bệnh hoặc đang sinh sống vùng có dịch bệnh. Tình trạng này ngày một xấu hơn.Dù vậy, trại tôm đã thu hoạch xong, kết thúc mùa vụ đầy khả quan và đang chuẩn bị cho vụ chính năm 2022. Doanh nghiệp hiện nỗ lực hoàn tất đơn hàng cho đợt tiêu thụ cuối năm, tập trung thị trường Nhật Bản.Như vậy, lũy kế 11 tháng doanh nghiệp ghi nhận doanh số tiêu thụ 199 triệu USD (4.577 tỷ đồng), tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước và gần cán mốc kế hoạch năm (200 triệu USD).

SMC: hoãn tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng cổ phiếu

Đầu tư Thương mại SMC (HoSE: SMC) vừa thông báo tạm hoãn tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%. HĐQT sẽ thống nhất phương án cụ thể về việc chi trả cổ tức năm 2021 và trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.Trước đó, công ty đã thống nhất phương án chi trả cổ tức đợt 1/2021 bằng cổ phiếu và tiền mặt, tổng tỷ lệ 10%. Trong tháng 11, SMC đã chi khoảng 30 tỷ đồng để thanh toán cổ tức tiền mặt theo tỷ lệ 5%. Năm 2021, doanh nghiệp đặt ra kế hoạch doanh thu 18.000 tỷ đồng, tăng 14,6%; lãi sau thuế 300 tỷ đồng, giảm 5%. Với kết quả này, HĐQT trình và được cổ đông thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ 10% trở lên.

PDR: muốn phát hành thêm 300 tỷ đồng trái phiếu, đảm bảo bằng cổ phiếu PDR

HĐQT Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) vừa thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu lần thứ 8 trong năm với giá trị 300 tỷ đồng. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không phải là nợ thứ cấp và được tự do chuyển nhượng. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu PDR thuộc sở hữu của bên thứ ba. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, lãi suất 12%/năm được trả 12 tháng/lần. Thời gian dự kiến phát hành trong tháng 12. Mục đích phát hành nhằm tài trợ vốn cho dự án phân khu 2 (quy mô 36,09 ha), phân khu 4 (quy mô 34,16 ha), phân khu 9 (quy mô 45,98 ha) thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (Bình Định); dự án Trung tâm thương mại, căn hộ cao cấp Astral City (quy mô 3,73 ha) tại tỉnh Bình Dương) và dự án Hạ tầng kỹ thuật nội bộ khu I - Khu Cổ Đại (quy mô 84,1 ha) thuộc quận 9, TP HCM.

IPA: rót hơn 700 tỷ đồng mua cổ phiếu Cen Land

Ngày 3/12, HĐQT Tập đoàn Đầu tư IPA (HNX: IPA) đã thông qua đầu tư mua cổ phiếu CTCP Bất động sản Thế Kỷ (Cen Land, HoSE: CRE) theo hình thức giao dịch thoả thuận.Sự kiện ký kết hợp tác chiến lược toàn diện giữa hai đơn vị Cen Land và IPA sẽ được tổ chức vào 16h ngày 9/12 tại Fastee Club, tầng 3, 54 Lê Văn Lương, Hà Nội.Theo đó, trong giai đoạn 3/12 – 15/12, Tập đoàn Đầu tư IPA đăng ký mua 22 triệu cổ phiếu CRE, tương ứng 10% vốn của Cen Land. Tổng giá trị giao dịch từ 700 đến 750 tỷ đồng, căn cứ theo giá trị thị trường tại thời điểm giao dịch. Trước đó IPA không sở hữu bất kỳ cổ phiếu CRE nào.

MPC: chốt quyền trả cổ tức năm 2020 tỷ lệ 20%

Tập đoàn Minh Phú (UPCoM: MPC) thông báo 10/12 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng 1 cổ phần sẽ được nhận 2.000 đồng. Với gần 200 triệu cổ phiếu lưu hành, doanh nghiệp dự kiến thanh toán 400 tỷ đồng để hoàn thành nghĩa vụ trả cổ tức cho cổ đông. Số tiền chi ra tương đương bằng 60% lợi nhuận hợp nhất chưa phân phối tại ngày 31/12/2020. Thời gian thực hiện là ngày 30/12.

NVL: sắp đầu tư 430 tỷ đồng vào công ty con The Prince Residence

HĐQT Novaland (HoSE: NVL) vừa thông qua việc đầu tư thêm 430,7 tỷ đồng vào công ty con The Prince Residence. Sau khi hoàn tất góp vốn, Novaland sẽ sở hữu 99,892% vốn tại đơn vị thành viên này, tương đương hơn 990,3 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 11 và 12.The Prince Residence là chủ đầu tư của dự án khu căn hộ - văn phòng cùng tên ở TP HCM. Từ tháng 6 năm 2019, doanh nghiệp này còn là cổ đông lớn sở hữu 70% vốn tại Công ty TNHH Thành phố Aqua - chủ đầu tư dự án khu đô thị sinh thái Aqua City (Đồng Nai) với quy mô 1.000 ha.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

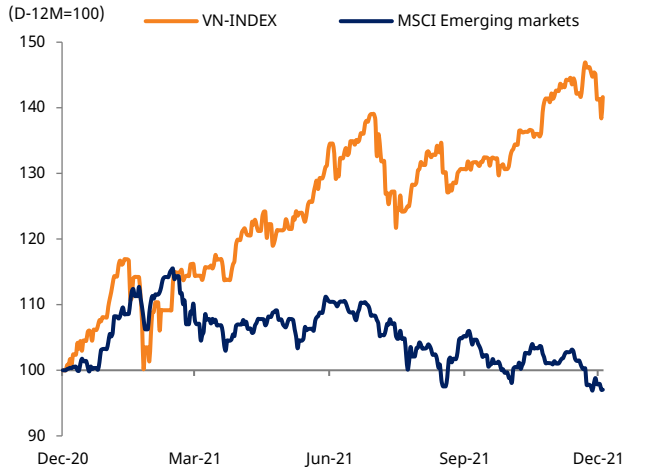

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

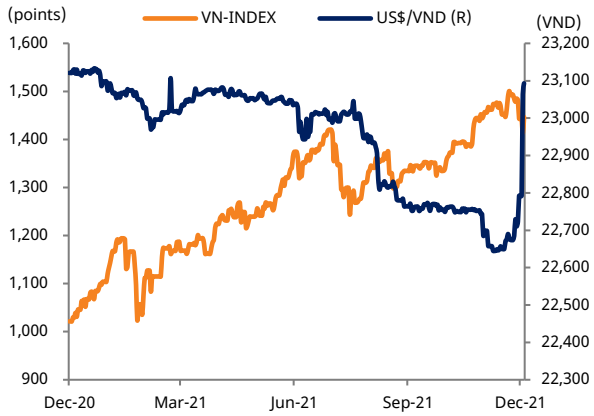

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

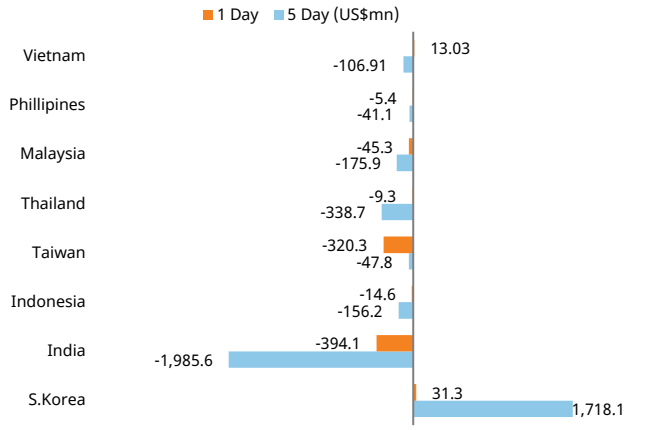

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

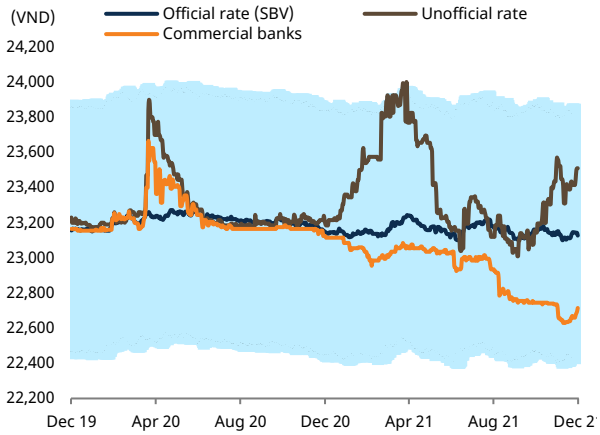

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

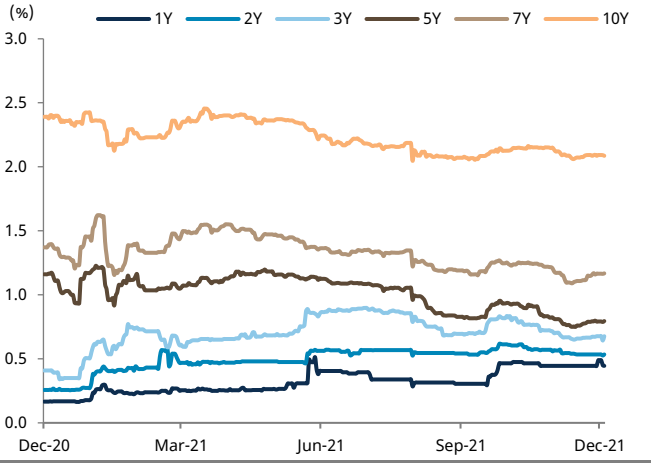

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

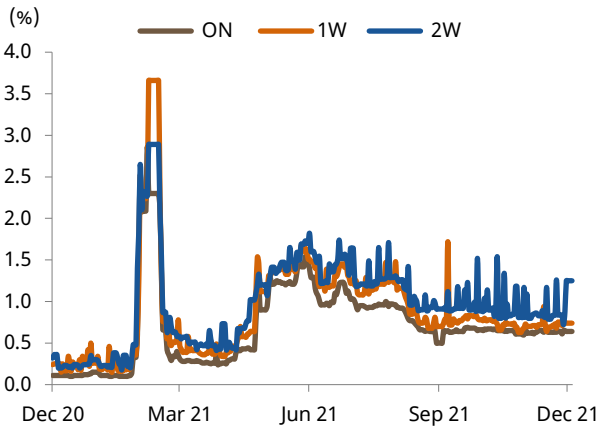

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,512.62**	**3,847,720**		**2.1**	**-1.6**	**-1.2**	**52.5**	**14.0**	**12.2**	**2.6**	**2.2**	**40.3**	**15.2**	**23.1**	**20.1**
Asia Commercial Bank	ACB VN	32,950	89,029	30.0	2.0	-1.1	-1.6	50.9	9.3	7.1	2.0	1.6	26.8	29.5	24.0	24.3
BIDV	BID VN	43,600	175,360	16.7	3.9	-1.8	0.0	1.4	19.1	14.4	2.1	1.9	57.9	32.4	13.5	16.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,400	43,352	26.4	1.6	-4.3	-8.8	4.3	23.5	19.7	2.0	1.9	18.6	19.0	9.1	10.1
VietinBank	CTG VN	32,700	157,148	25.3	1.9	-2.5	0.0	21.6	12.0	8.7	1.6	1.4	-4.6	38.4	16.3	19.6
FPT Corp	FPT VN	96,000	87,117	49.0	1.6	-1.1	-1.6	98.2	20.4	17.0	4.5	4.2	31.2	20.6	24.2	25.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	96,500	184,696	2.7	4.9	-1.8	-21.2	11.8	18.9	15.4	3.7	3.4	26.8	22.6	20.0	22.0
Vietnam Rubber Group	GVR VN	36,600	146,400	0.6	1.7	-5.7	-8.7	80.3	32.0	29.0	NA	NA	21.4	10.2	9.4	9.9
HDBank	HDB VN	30,000	59,766	17.1	3.1	-1.6	12.4	71.6	10.4	9.4	2.0	1.7	35.1	11.3	21.1	19.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	47,600	212,911	24.3	4.0	-2.8	-15.9	68.2	5.6	6.5	2.1	1.6	201.0	-14.1	47.0	29.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	45,300	29,125	31.5	4.6	-2.5	-6.0	83.2	26.2	18.5	NA	2.6	-7.7	41.9	13.8	15.4
MBBank	MBB VN	28,150	106,360	23.2	2.4	-2.9	-1.7	83.5	8.9	7.4	1.7	1.4	44.5	19.5	21.7	21.7
Masan Group Corp	MSN VN	151,900	179,323	32.1	0.6	1.8	2.8	76.6	39.0	27.8	8.2	6.3	269.9	39.9	31.6	23.1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	133,500	95,163	49.0	1.6	-3.9	1.1	75.2	20.8	15.0	4.8	3.8	11.4	38.4	26.6	28.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	112,600	165,928	8.0	1.4	2.4	7.2	155.4	39.7	25.6	4.6	4.0	-3.2	55.2	19.2	13.7
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	97,800	48,193	3.3	2.3	4.5	3.1	175.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	53,500	67,977	17.1	3.5	-1.1	-0.7	4.3	21.2	17.0	3.0	2.9	267.5	24.6	14.7	16.3
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	93,800	21,327	47.3	2.9	-4.2	-13.1	19.5	22.8	15.6	3.8	3.2	-4.6	46.8	18.3	23.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,850	34,777	2.9	6.8	10.0	14.2	29.7	19.2	15.1	1.1	1.0	-22.4	27.0	7.3	7.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	153,000	98,116	62.7	0.9	-0.6	-11.0	-26.1	28.1	22.7	4.4	3.8	-23.8	24.2	17.6	19.4
SSI Securities Corp	SSI VN	52,200	51,279	38.6	2.4	-6.6	21.7	284.5	21.8	24.9	NA	NA	85.3	-12.7	19.9	14.7
Sacombank	STB VN	28,050	52,880	17.3	3.9	-2.9	1.4	80.4	17.0	12.8	1.5	1.4	31.9	33.2	10.5	12.1
Techcombank	TCB VN	50,000	175,546	22.5	2.0	-3.5	-5.7	99.6	10.3	8.6	1.9	1.6	38.8	18.6	20.8	19.8
Tien Phong Bank	TPB VN	47,800	56,006	29.6	1.7	6.0	9.9	117.3	11.8	9.7	2.2	1.8	18.9	22.2	21.2	20.2
Vietcombank	VCB VN	98,200	364,212	23.6	2.9	-0.7	0.7	5.5	17.5	14.5	3.2	2.6	25.2	21.1	20.2	20.3
Vinhomes JSC	VHM VN	81,600	355,316	23.1	2.4	-3.5	-0.5	25.2	9.9	8.7	2.9	2.2	29.3	13.5	31.6	27.4
Vingroup JSC	VIC VN	106,700	406,016	13.5	1.0	1.6	12.3	13.5	134.0	151.6	4.3	4.2	-47.0	-11.6	3.4	3.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	123,000	66,618	16.6	2.1	0.4	-5.4	4.2	NA	34.5	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	86,500	180,781	54.5	1.4	-1.3	-3.0	-21.4	18.5	17.3	5.4	5.2	-2.0	6.7	32.9	33.2
VPBank	VPB VN	35,650	158,481	15.2	0.4	-5.4	-6.1	128.4	12.6	10.7	1.8	1.6	19.3	17.8	17.9	16.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,950	68,056	29.5	7.0	0.5	-4.0	5.8	36.1	24.6	2.2	2.0	-20.8	46.5	6.2	8.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	**33.19**	**5,498,953**	**2.3**	**-2.1**	**-0.7**	**40.5**	**16.9**	**13.6**	**2.7**	**2.3**	**34.0**	**24.1**	**19.2**	**19.1**
Automobiles & Components	0.04	9,659	1.6	-3.3	0.6	51.4	7.6	6.3	1.4	1.2	20.8	22.4	10.6	11.6
Banks	9.99	1,706,079	2.3	-2.8	-0.5	45.4	12.4	10.0	2.0	1.7	31.8	23.0	17.8	18.0
Capital Goods	1.96	290,258	2.8	-3.4	14.8	133.4	9.9	8.2	0.4	0.4	21.7	22.6	7.8	8.0
Commercial & Professional Services	0.01	5,500	0.5	-5.7	1.2	23.8	11.2	7.7	NA	NA	-7.8	45.5	7.9	11.1
Consumer Durables & Apparel	0.31	49,713	2.5	-2.6	-4.9	83.0	15.2	11.2	2.3	2.0	21.1	34.6	14.2	16.8
Consumer Services	0.05	9,258	1.8	-3.3	-1.0	32.1	NA	20.3	NA	NA	NA	NA	-8.8	2.6
Diversified Financials	1.07	185,727	2.2	-6.2	11.4	282.3	6.3	7.2	NA	NA	85.3	-12.7	5.8	4.3
Energy	0.93	91,643	4.1	-2.9	-2.1	25.4	40.4	16.8	2.4	2.4	NA	NA	12.2	14.0
Food, Beverage & Tobacco	2.14	588,243	1.4	-1.5	0.0	22.5	23.9	18.6	5.0	4.3	NA	11.1	23.6	21.2
Health Care Equipment & Services	0.03	4,318	2.9	-3.8	29.8	36.9	10.9	14.3	NA	NA	40.4	-23.7	12.1	10.1
Household & Personal Products	0.00	1,620	0.5	-2.7	-8.9	-8.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Insurance	0.21	53,989	1.5	-3.7	-8.2	14.5	20.6	17.3	1.8	1.6	19.9	18.7	8.2	9.2
Materials	4.21	547,072	3.1	-3.8	-10.1	94.0	13.6	12.8	1.4	1.1	NA	0.5	27.7	20.2
Media & Entertainment	0.00	1,495	1.0	1.6	3.2	-22.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Pharmaceuticals	0.15	34,961	3.9	-3.0	5.1	65.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Real Estate	7.41	1,336,412	1.7	4.6	10.7	26.7	13.8	11.8	1.9	1.7	4.1	18.4	11.3	11.9
Retailing	0.51	108,662	2.2	-1.1	5.6	59.8	52.3	54.4	2.9	2.7	-6.6	6.5	13.5	11.9
Software & Services	0.38	94,473	1.9	-1.4	3.3	77.4	19.7	14.6	4.4	3.5	43.1	38.0	24.0	25.3
Technology Hardware & Equipment	0.19	11,421	1.6	-1.3	-1.9	99.1	18.9	15.6	4.2	3.9	31.9	21.0	22.3	23.5
Telecommunication Services	0.01	2,050	6.8	0.9	13.5	241.8	21.3	15.6	7.0	5.1	95.3	36.8	35.4	34.8
Transportation	0.73	194,295	1.1	-5.0	-14.5	397.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Utilities	2.97	286,295	1.5	-1.4	-5.0	38.6	7.4	14.8	0.5	0.5	28.8	NA	-269.0	32.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	98,200	2.9	820,000	2.7
GAS VN	96,500	4.9	964,000	2.2
HPG VN	47,600	4.0	21,935,200	2.1
VHM VN	81,600	2.4	4,522,700	2.1
BID VN	43,600	3.9	1,653,500	1.7
VRE VN	29,950	7.0	8,994,800	1.1
VIC VN	106,700	1.0	3,026,300	1.1
TCB VN	50,000	2.0	8,982,100	0.9
CTG VN	32,700	1.9	6,319,600	0.7
VNM VN	86,500	1.4	1,530,000	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
IDI VN	16,550	-6.8	242,400	-0.1
TSC VN	14,800	-6.9	711,400	0.0
TCD VN	24,100	-3.2	785,600	0.0
STK VN	63,600	-2.3	25,700	0.0
CRE VN	37,000	-1.3	1,528,700	0.0
HTN VN	39,400	-2.7	371,100	0.0
SJF VN	14,650	-6.7	86,200	0.0
PMG VN	17,000	-5.6	1,600	0.0
MCG VN	11,800	-6.7	96,700	0.0
TLD VN	12,850	-6.5	1,207,400	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.